

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-9-2020  
“V/v Tranh chấp về ly hôn và yêu  
cầu nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nghê

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Bà Vũ Thị Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04/5/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Huệ T, sinh năm 1999 (có mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn:* Anh Danh Thanh T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 27/3/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Huệ T trình bày:*

Vào ngày 28/02/2017 âm lịch, chị kết hôn cùng với anh Danh Thanh T sau 02 năm tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 03 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con mà còn thường xuyên đánh chị nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng cũng tự ly thân từ đầu năm 2018. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ có 01 con chung tên Trần Ngọc D – sinh ngày 30/10/2017, hiện nay, đang sống cùng với chị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân, chị Trần Huệ T yêu cầu được ly hôn với anh Danh Thanh T; Về con chung, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Danh Thanh T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 53, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị Trần Huệ T với anh Danh Thanh T là quan hệ vợ chồng; Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc D – sinh ngày 30/10/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Trần Huệ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh Thanh T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Danh Thanh T với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Huệ T và anh Danh Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới cũng không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T cho rằng, anh T không lo làm ăn, không quan

tâm đến vợ con mà còn dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Xét, hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của chị T và anh T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chị có một người con chung tên Trần Ngọc D – sinh ngày 30/10/2017, hiện nay, cháu D đang sống cùng với chị T nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Đối với anh T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh T đều không có mặt cũng không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị T nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh T.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T, HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay con do một mình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu D cũng được phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Vì vậy, cần giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Huệ T và anh Danh Thanh T là quan hệ vợ chồng.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Trần Ngọc D – sinh ngày 30/10/2017 cho chị Trần Huệ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Danh Thanh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Trần Huệ T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008870, ngày

04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

**4.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Nguyễn Thành Nghè**